TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2019/KDTM-ST
Ngày 14/11/2019
Về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Duyên;

2. Bà Bùi Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST - KDTM - ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐ - KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Triệu Thị Kim T, sinh năm 1978; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, (có mặt);

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974; Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc, (có mặt);

Địa chỉ Công ty: Thôn N, xã NT, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.

**** Bị đơn:*** Công ty Cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Viết T, sinh năm 1970, Chức vụ: Tổng Giám đốc, (có mặt);

Địa chỉ Công ty: Khu Công nghiệp TB, xã TB, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà (Triệu Thị Kim T), người được nguyên đơn ủy quyền ông (Phạm Văn T) trình bày:*

Từ năm 2012 đến năm 2016, Công ty Cổ phần S đã ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế về chuyển nhượng, mua bán gỗ rừng trồng, thiết kế trồng rừng, thiết kế khai thác gỗ rừng trồng, mua bán cây giống lâm nghiệp với Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn, gồm: (Lâm trường CM, NR, NS, BT, Xí nghiệp Giống và tư vấn LN NT, Xí nghiệp LN CĐ), với tổng số tiền còn nợ là **1.922.402.602đ,** *(Một tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm linh hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng)* và số tiền lãi do Công ty S chậm trả gây thiệt hại cho Công ty LN Bắc Kạn, đến ngày 31/7/2019 do Công ty tính số tiền lãi là: **1.314.642.347** *(Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghì ba trăm bốn mươi bảy đồng).* Tổng số tiền gốc và lãi là: **3.237.044.949đ** *(Ba tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm bốn chín đồng);* Cụ thể như sau:

Theo như các hợp đồng đã cung cấp kèm theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án:

(1) Đối với hợp đồng số 01A/HĐMB-CTLN ngày 01/01/2013 về việc chuyển nhượng quyền thu mua gỗ keo nguyên liệu ngoài quốc doanh trồng từ năm 2002-2004: Giá trị hợp đồng thực hiện 164.025.500đ, đã thanh toán 12.054.682 đ. Số tiền còn nợ là 151.997.818đ.

(2) Công ty S ký với Xí nghiệp Giống và tư vấn Lâm nghiệp NT gồm 12 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 1.233.365.754đ, đã thanh toán 844.832.802đ. Số tiền còn nợ 388.532.952đ.

(3) Công ty S ký với Lâm trường CM 04 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 1.230.978.779đ, đã thanh toán 563.985.113đ. Số tiền còn nợ 666.993.646đ.

(4) Công ty S ký với Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn tại địa bàn NR gồm 05 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 2.743.453.465đ, đã thanh toán 2.127.006.534đ. Số tiền còn nợ: 616.446.922đ.

(5) Công ty S ký với Lâm trường BB 01 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 54.919.800đ, chưa thanh toán, còn nợ số tiền 54.919.800đ.

(6) Công ty S ký với Xí nghiệp LN CĐ 01 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 41.475.314đ, chưa thanh toán. Số tiền còn nợ 41.475.314đ.

(7) Công ty S ký với Lâm trường NS 01 hợp đồng (Có hóa đơn bán hàng, không ký kết hợp đồng vì giá trị nhỏ). Tổng giá trị thực hiện 2.036.150đ, chưa thanh toán. Số tiền còn nợ: 2.036.150đ.

Tổng cộng các khoản nợ là 1.922.042.602đ.

Đối với phần lãi chậm trả công nợ của Công ty S cụ thể theo từng năm như sau:

- Năm 2012: Công nợ đối chiếu đến tháng 12/2012: Số tiền nợ gốc 31.257.900đ x 1,5% x 12 tháng = 5.626.422đ, (Tính lãi năm 2013);

- Năm 2013: Công nợ đối chiếu đến tháng 12/2013: Số tiền nợ gốc: 1.204.084.073 x 1,5% x 12 tháng = 216.735.133đ, (Tính lãi năm 2014);

- Năm 2014: Công nợ đối chiếu đến tháng 12/2014: Số tiền nợ gốc: 1.471.787.502 x 1,125% x 12 tháng = 198.691.313đ, (Tính lãi năm 2015);

- Năm 2015: Công nợ đối chiếu đến tháng 12/2015: Số tiền nợ gốc: 1.652.974.602 x 1,125% x 12 tháng = 223.151.171đ, (Tính lãi năm 2016);

- Năm 2016: Công nợ đối chiếu đến tháng 12/2016: Số tiền nợ gốc: 1.922.402.602 x 1,125% x 12 tháng = 259.524.351đ, (Tính lãi năm 2017);

- Năm 2017 + 2018: Công nợ căn cứ theo thư xác nhận nợ ngày 02/01/2018: Số tiền nợ gốc: 1.922.402.602 x 1,125% x 12 tháng = 259.524.351đ, (Tính lãi năm 2018);

- 07 tháng đầu năm 2019: Công nợ căn cứ theo thư xác nhận nợ ngày 02/01/2018: Số tiền nợ gốc: 1.922.402.602 x 1,125% x 07 tháng = 151.389.205đ, (Tính lãi năm 2019);

Tổng cộng số tiền lãi là: 1.314.642.347đ, (Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

Mặc dù Công ty LN Bắc Kạn đã nhiều lần đòi nợ, có các văn bản đốc thúc và đến trực tiếp Công ty S, đề nghị thanh toán các khoản nợ theo như đã đối chiếu từng năm, nhưng Công ty S không thanh toán, ngày 02/01/2018, Công ty LN Bắc Kạn đã đối chiếu công nợ với Công ty S và có văn bản số: 220/TB- CCLN ngày 28/12/2018 có ghi rõ, nếu đến ngày 15/01/2019, Công ty Cổ phần S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn thì Công ty LN Bắc Kạn sẽ khởi kiện và tính lãi suất chậm trả theo mức cao nhất của Ngân hàng công bố. Đến hết ngày 15/01/2019, Công ty S vẫn không thanh toán cho Công ty LN Bắc Kạn, vì vậy Công ty LN đã khởi kiện Công ty S tại Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, yêu cầu Công ty Cổ phần S thanh toán cho Công ty LN Bắc Kạn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi là: 3.237.044.949đ.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần S, người đại diện theo pháp luật ông (Lê Viết T) trình bày:*

Đối với tất cả phần công nợ do Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn đưa ra là có thật, đúng thực tế, có tài liệu chứng minh là các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần S với Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn và có Biên bản đối chiếu công nợ theo từng năm; Cụ thể như sau:

(1) Đối với hợp đồng số: 01A/HĐMB- CTLN ngày 01/01/2013 về việc chuyển nhượng quyền thu mua gỗ keo nguyên liệu ngoài quốc doanh trồng từ năm

2002 - 2004: Giá trị hợp đồng thực hiện 164.025.500đ, đã thanh toán 12.054.682 đ. Số tiền còn nợ 151.997.818đ.

(2) Công ty S ký kết hợp đồng với Xí nghiệp Giống và tư vấn LN NT gồm: 12 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 1.233.365.754đ, đã thanh toán 844.832.802đ. Số tiền còn nợ 388.532.952đ.

(3) Công ty S ký kết hợp đồng với Lâm trường CM gồm: 04 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 1.230.978.779đ, đã thanh toán 563.985.113đ. Số tiền còn nợ 666.993.646đ.

(4) Công ty S ký kết hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn tại địa bàn NR gồm: 05 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 2.743.453.465đ, đã thanh toán 2.127.006.534đ. Số tiền còn nợ 616.446.922đ.

(5) Công ty S ký kết với Lâm trường BB 01 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 54.919.800đ, chưa thanh toán. Số tiền còn nợ 54.919.800đ.

(6) Công ty S ký kết với Xí nghiệp LN CĐ 01 hợp đồng. Tổng giá trị thực hiện 41.475.314đ, chưa thanh toán. Số tiền còn nợ 41.475.314đ.

(7) Công ty S mua của Lâm trường NS khối lượng gỗ. Tổng giá trị thực hiện 2.036.150đ, chưa thanh toán. Số tiền còn nợ 2.036.150đ.

Tổng cộng các khoản nợ 1.922.042.602đ.

Sau khi Công ty Cổ phần S ký kết các hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa với Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn từ năm 2012 đến năm 2016, qua từng năm Công ty Cổ phần S vẫn thanh toán một phần tiền cho Công ty LN Bắc Kạn, sau đó lại ký kết tiếp các hợp đồng kinh tế mới rồi lại thanh toán nợ cũ. Đến ngày 02/01/2018, hai bên đã đối chiếu công nợ, Công ty Cổ phần S còn nợ lại Công ty LN Bắc Kạn số tiền 1.922.042.602đ. Sau đó do Công ty Cổ phần S lâm vào tình trạng khó khăn, sản xuất không hiệu quả, chưa thanh toán được số tiền trên cho Công ty LN Bắc Kạn, mặc dù Công ty đã nhận được rất nhiều văn bản yêu cầu trả nợ của Công ty LN. Công ty S đã nhận được văn bản của Công ty LN Bắc Kạn về việc yêu cầu thanh toán số nợ trên, đến nay Công ty S nhất trí với số tiền hàng nợ nêu trên là 1.922.042.602đ, đề nghị Công ty LN Bắc Kạn không tính lãi suất chậm trả, hơn nữa trong các hợp đồng kinh tế khi ký kết hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người được nguyên đơn ủy quyền yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 1.922.042.602đ cho nguyên đơn. Đối với số tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm trả tính đến ngày 31/7/2019 là 1.314.642.347đ (Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghì ba trăm bốn mươi bảy đồng), hiện nay do bị đơn đang lâm vào tình trạng khó khăn. Vì vậy, Công ty LN Bắc Kạn không yêu cầu Công ty Cổ phần S phải trả tiền lãi suất do chậm trả, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 1.922.042.602đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM trình bày: Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật

Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, 50 Luật Thương mại, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ 1.922.402.602đ là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, lãi phát sinh. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu đối với tiền lãi chậm trả là 1.314.642.347đ, xét thấy nguyên đơn rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu do nguyên đơn đã rút.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn yêu cầu Công ty Cổ phần S thanh toán tiền mua hàng còn thiếu và lãi suất phát sinh do chậm trả tiền hàng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần S có địa chỉ tại: Khu Công nghiệp TB, xã TB, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn khởi kiện Công ty Cổ phần S tại Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ năm 2012 đến năm 2016, Công ty Cổ phần S đã ký kết các hợp đồng kinh tế về chuyển nhượng, mua bán gỗ rừng trồng, thiết kế trồng rừng, thiết kế khai thác gỗ rừng trồng, mua bán cây giống LN với Công ty LN Bắc Kạn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty LN Bắc Kạn. Qua các năm Công ty S vẫn thanh toán số nợ cũ rồi ký tiếp các hợp đồng mới, đến năm 2017 thì hai bên không ký kết các hợp đồng nữa, nhưng phía Công ty LN vẫn có văn bản yêu cầu Công ty S phải trả nợ tiền hàng theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã được ký kết, hai bên đã đối chiếu công nợ lần cuối cùng là ngày 02/01/2018, đến ngày 15/01/2019

cũng là ngày cuối cùng Công ty LN yêu cầu Công ty S phải thanh toán dứt điểm các khoản tiền hàng còn nợ. Căn cứ Điều 319 Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện là 02 năm, Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm, tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Vì vậy, Công ty LN Bắc Kạn khởi kiện Công ty Cổ phần S vẫn còn thời hiệu.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Từ năm 2012 đến năm 2016, Công ty Cổ phần S đã ký kết các hợp đồng kinh tế về chuyển nhượng, mua bán gỗ rừng trồng, thiết kế trồng rừng, thiết kế khai thác gỗ rừng trồng, mua bán cây giống LN với Công ty LN Bắc Kạn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty LN Bắc Kạn với tổng số tiền gốc còn nợ là **1.922.402.602đ**. Công ty LN Bắc Kạn đã thực hiện đúng các điều khoản giao kết trong hợp đồng, như giao hàng đúng hạn, đúng chủng loại và đầy đủ cho Công ty Cổ phần S, nhưng Công ty Cổ phần S đã không thực hiện theo đúng như cam kết trong hợp đồng. Sau đó Công ty LN Bắc Kạn đã đòi nợ rất nhiều lần, nhưng Công ty S đều không trả nợ số tiền hàng trên. Ngày 02/01/2018, Công ty LN đã đối chiếu công nợ với Công ty S, tại biên bản đối chiếu công nợ và các biên bản hòa giải tại Tòa án, Công ty Cổ phần S đều thừa nhận nợ số tiền mua hàng 1.922.402.602đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Cổ phần S cũng xác nhận, mặc dù Công ty đã nhận được nhiều văn bản đòi nợ của Công ty LN, nhưng Công ty S quá khó khăn chưa có tiền trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn yêu cầu Công ty Cổ phần S phải trả số tiền nợ do mua bán hàng hóa là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty LN Bắc Kạn xin rút yêu cầu đối với tiền lãi suất chậm trả là 1.314.642.347đ đối với Công ty Cổ phần S, xét thấy Công ty LN Bắc Kạn rút yêu cầu là tự nguyện, không trái luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu đối với phần lãi suất theo yêu cầu Công ty LN Bắc Kạn đối với Công ty Cổ phần S.

[6] Về phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: Xét thấy, Công ty Cổ phần S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn yêu cầu thanh toán số tiền 1.922.402.602đ ngay sau khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần S phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm, Công ty TNHH một thành viên LN được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24; Điều 50 Luật Thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBYVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên LN Bắc Kạn. Buộc Công ty Cổ phần S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn số tiền nợ gốc **1.922.402.602đ,** (Một tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm linh hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng).

Về phương thức và thời hạn thanh toán: Ngay sau khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên LN Bắc Kạn số tiền **1.922.402.602đ,** (Một tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm linh hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu đối với số tiền lãi suất do chậm trả **1.314.642.347đ** *(Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm bốn bảy đồng)* của Công ty một thành viên LN Bắc Kạn đối với Công ty Cổ phần S.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần S phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: **69.672.078đ** *(Sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng).* Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH một thành viên LN Bắc Kạn **34.836.000đ** (*Ba mươi tư triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* theo biên lai số 0002028 ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

(Đã ký)

Vương Hồng Giang